

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 192/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 8 – 2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Bạch Minh

Ông Trần Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Bích T, sinh năm: 1988.

Trú tại: Số 644, ấp 2, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Võ Trần T1, sinh năm: 1988.

Trú tại: ấp X, xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Bích T trình bày:

Chị Lê Thị Bích T với anh Võ Trần T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân. Sau đó, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05/5/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng một năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên vợ chồng đã ly thân. Chị Lê Thị Bích T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Võ Trần T1.

Về con chung: Có 01 người con tên Võ Gia B, sinh ngày: 28/12/2016 (giới tính: Nam). Hiện đang sống với chị Lê Thị Bích T nên sau khi ly hôn chị Lê Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Bích T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Võ Trần T1 để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bích T được ly hôn với Võ Trần T1. Về con

chung chị Lê Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng Võ Gia B, chị Lê Thị Bích T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên chưa xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ Trần T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Võ Trần T1 nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Hậu Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thị xã M, tỉnh Hậu Giang) vào ngày 05/5/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 phát sinh mâu thuẫn và hiện tại thì vợ chồng chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 đã ly thân và tại phiên tòa chị Lê Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bích T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 có 01 người con tên Võ Gia B, sinh ngày: 28/12/2016 (giới tính: Nam) hiện đang sống với chị Lê Thị Bích T và chị Lê Thị Bích T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Võ Trần T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm xét xử cháu Võ Gia B chưa đủ 07 tuổi và thời điểm vợ chồng ly thân chị Lê Thị Bích T là người

trực tiếp nuôi dưỡng Võ Gia B cho đến nay và phát triển tốt, do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn cuộc sống của Võ Gia B nên tiếp tục giao Võ Gia B cho chị Lê Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với cuộc sống của Võ Gia B cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với việc cấp dưỡng chị Lê Thị Bích T chưa thể hiện yêu cầu anh Võ Trần T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử dành quyền yêu cầu cho chị Lê Thị Bích T khi có yêu cầu. Anh Võ Trần T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Trần T1 vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Bích T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Võ Trần T1.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Gia B, sinh ngày: 28/12/2016 (giới tính: Nam). Chị Lê Thị Bích T chưa yêu cầu anh Võ Trần T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Anh Võ Trần T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 đều được thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho chị Lê Thị Bích T và anh Võ Trần T1 thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0015522 phiếu lập ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2018. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang (1b);
- 2 đương sự (2b);
- VKSND thị xã Long Mỹ (1b);
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ (1b);
- UBND xã B (1b);
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lư Trường Tây